

UNIT 4:

MUSIC AND ARTS

A CLOSER LOOK 2

- similar to	(adj) : tương tự
- princess/ prince	(cn): công chúa/ hoàng tử
- folk song	(n): bài hát dân gian
- pop music	(n): nhạc pop
- taste	(n): sở thích, vị giác
- country music	(n): nhạc đồng quê
- excellent	(adj): xuất sắc, ưu tú
- vacation	(n) : kỳ nghỉ
- relax	(v): thư giãn, giải trí
- action movie/ action film	(n): phim hành động
- comedy	(n): hài kịch
- bright	(adj): sáng chói
- character	(n): nhân vật
- contest	(n): cuộc thi
- peaceful	(adj): thanh bình, yên tĩnh